



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

Điện thoại: 02583.727241 - Fax: 02583.727227

Website: nhatrangtex.com - Email: info@nhatrangtex.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2019

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
4.1 Bảng cân đối kế toán	2-3
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5-6
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	7-30

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2019**

<u>TÀI SẢN</u>	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		377.717.647.557	454.719.784.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.944.610.033	2.592.721.218
1. Tiền	111	V.1	1.944.610.033	2.592.721.218
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.686.383.083	157.067.174.378
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	110.233.324.984	115.984.186.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.780.389.696	614.225.935
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	33.761.070.731	41.557.164.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.2	(1.123.714.298)	(1.123.714.298)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.311.970	35.311.970
IV. Hàng tồn kho	140		227.714.478.917	289.769.053.939
1. Hàng tồn kho	141	V.6	227.714.478.917	289.769.053.939
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.372.175.524	5.290.835.154
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	1.442.272.716	1.438.366.545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.1	16.187.300	64.095.789
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.2	1.913.715.508	3.788.372.820
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.996.064.527	394.396.035.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		60.898.162.795	67.000.684.585
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	60.898.162.795	67.000.684.585
II. Tài sản cố định	220		291.855.204.140	306.700.202.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.19.1	289.967.719.283	304.791.500.567
- Nguyên giá	222		653.786.594.948	656.617.823.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.818.875.665)	(351.826.322.441)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.887.484.857	1.908.701.523
- Nguyên giá	228		1.909.500.000	1.909.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.015.143)	(798.477)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.376.627.752	11.155.429.043
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	7.376.627.752	11.155.429.043
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.221.725.000	1.221.725.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.221.725.000	1.221.725.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.644.344.840	8.317.994.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	6.644.344.840	8.317.994.901
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		745.713.712.084	849.115.820.308

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

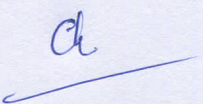
<u>NGUỒN VỐN</u>	<u>MÃ SỐ</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		577.510.558.073	671.403.677.627
I. Nợ ngắn hạn	310		432.411.080.347	526.689.026.789
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	81.499.229.958	65.642.597.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.569.769.068	1.897.250.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.3;4	680.924.125	1.767.379.734
4. Phải trả người lao động	314		1.333.947.779	6.106.511.932
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.852.278.413	3.832.480.490
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	9.524.795.763	7.994.788.644
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	335.332.194.819	438.339.594.538
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	617.940.422	1.108.423.395
II. Nợ dài hạn	330		145.099.477.726	144.714.650.838
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	145.099.477.726	144.714.650.838
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.203.154.011	177.712.142.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	168.203.154.011	177.712.142.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.000.000.000	185.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.030.000.000	2.030.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.015.663.659	22.015.663.659
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.842.509.648)	(31.333.520.978)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.333.520.978)	882.881.562
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(9.508.988.670)	(32.216.402.540)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		745.713.712.084	849.115.820.308

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	288.544.712.987	279.647.959.303	574.407.744.985	461.971.999.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	11.706.359	-	15.608.075	232.981.632
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	288.533.006.628	279.647.959.303	574.392.136.910	461.739.017.778
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	287.277.124.993	274.254.956.952	572.210.392.230	440.543.842.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.255.881.635	5.393.002.351	2.181.744.680	21.195.175.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	66.303.725	5.070.097.088	108.828.837	7.037.171.552
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8.964.469.500	14.079.666.259	17.861.846.504	21.852.077.660
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.637.698.619	9.447.754.501	17.506.617.788	16.836.514.370
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.440.354.148	1.664.432.290	2.651.487.701	3.820.016.160
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	5.109.846.405	5.737.977.171	11.166.794.531	12.700.199.970
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.192.484.693)	(11.018.976.281)	(29.389.555.219)	(10.139.946.900)
12. Thu nhập khác	31	VI.9	14.373.559.779	14.038.304.481	21.838.734.655	14.194.984.481
13. Chi phí khác	32	VI.10	50.002.460	700.216	83.510.794	8.680.216
14. Lợi nhuận khác	40		14.323.557.319	14.037.604.265	21.755.223.861	14.186.304.265
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.072.626	3.018.627.984	(7.634.331.358)	4.046.357.365
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.695.459.621	2.892.700.934	1.874.657.312	2.892.700.934
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.564.386.995)	125.927.050	(9.508.988.670)	1.153.656.431

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

S T T	CHỈ TIÊU	M Ã SỐ	THUY ẾT MINH	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		316.406.859.400	286.479.503.932	608.523.021.767	452.257.025.920
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(250.669.223.422)	(219.745.209.844)	(429.933.166.558)	(386.660.850.527)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.962.841.886)	(25.332.238.343)	(50.574.143.624)	(63.517.550.308)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(8.101.756.247)	(8.861.267.725)	(17.363.870.580)	(16.808.917.011)
5	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.837.743.069	3.074.820.815	16.632.292.463	4.788.088.069
6	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.278.557.245)	(23.059.455.268)	(31.335.007.098)	(40.733.792.256)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.232.223.669	12.556.153.567	95.949.126.370	(50.675.996.113)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1	Tiền chi để mua, xây dựng TSCĐ, các TS dài hạn khác	21		-	(6.452.826.946)	(154.000.000)	(6.452.826.946)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		3.231.031.875	499.672.114	6.433.292.769	671.822.114
3	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
4	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.608.760	2.402.007.064	2.908.971	2.444.804.202
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.232.640.635	11.448.852.232	6.282.201.740	11.663.799.370
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		258.323.291.044	256.177.082.364	457.446.581.713	431.956.984.456
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(297.837.446.699)	(280.779.728.741)	(560.481.563.320)	(399.836.229.176)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

S T T	CHỈ TIÊU (tiếp theo)	M Ã SỐ	THUY ẾT MINH	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.514.155.655)	(24.602.646.377)	(103.034.981.607)	32.120.755.280
	Lưu chuyển thuần trong kỳ	50		(3.049.291.351)	(597.640.578)	(803.653.497)	(6.891.441.463)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.890.175.863	2.952.821.073	2.592.721.218	9.229.359.549
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		103.725.521	84.466.700	155.542.312	101.729.109
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.944.610.033	2.439.647.195	1.944.610.033	2.439.647.195

Người lập biểu

ck

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Nca

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2019

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1 Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh

	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5	4200237973	23/03/2018
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6	4200237973	22/03/2019

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
- Tổng số cổ phần: 18.500.000 cổ phần
- Mã chứng khoán: NTT
- Sàn giao dịch: UPCOM

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 3 năm 2019 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là: 1.049 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 1.692 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

► Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, P. Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

► Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

► Chi nhánh tại Khánh Hòa

Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Chi nhánh này được cấp giấy phép hoạt động số 4200237973-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 6 năm 2018

2 Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Chủ tịch	26/04/2019
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	26/04/2019
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	26/04/2019

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Bà Chiêm Yến Nhi	Trưởng ban	26/04/2019
Bà Mai Thị Tình	Ủy viên	26/04/2019
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Ủy viên	26/04/2019

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Đình Hùng	Tổng Giám đốc	22/03/2019	-
Ông Lý Anh Tài	Tổng Giám đốc	23/03/2018	22/03/2019
Ông Phan Kiệt	Phó Tổng giám đốc	18/03/2019	-
Ông Phan Kiệt	Giám đốc điều hành	01/01/2012	18/03/2019
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Phó Tổng giám đốc	18/03/2019	-
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Giám đốc điều hành	08/08/2018	18/03/2019
Ông Phan Minh Tiến	Giám đốc điều hành	18/03/2019	-
Ông Nguyễn Trung Hà	Giám đốc điều hành	18/03/2019	-
Bà Phạm Thị Hồng Xuyên	Giám đốc điều hành	04/10/2018	08/04/2019

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Kế toán trưởng	01/07/2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

- 3 **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**
So sánh được vì từ 01/01/2015 Công ty thực hiện ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

4 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1 Các loại tỷ giá hối đoái, nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

• Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

• Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

• Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

Tại ngày 31/03/2019, tỷ giá mua là 23.250 VND/USD; tỷ giá bán là 23.380 VND/USD.

Tại ngày 31/03/2019, tỷ giá mua là 26.301 VND/EUR; tỷ giá bán là 27.208 VND/EUR.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

• Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

• Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm

sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập

Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoảng nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 20	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10	năm

7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8 Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế
Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm: Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ Thôn Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, với diện tích 5.053,7 m² - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 333731 ngày 13/11/2018 - Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm - Thời gian sử dụng: Đến 15/10/2063.

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16 Chi phí vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2019	01/01/2019
- Tiền mặt	265.160.373	240.568.107
- Tiền gửi ngân hàng	1.679.449.660	2.352.153.111
- Tiền đang chuyển		
cộng	1.944.610.033	2.592.721.218
<i>Trong đó,</i>		
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2019	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	67.839,51	1.569.467.297
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	75.390
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 30/06/2019	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	10.994,77	255.628.537
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	75.221
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2019	01/01/2019
- Cổ phiếu CTCP Bông Tây Nguyên (2.688 CP)	266.915.000	266.915.000
- Góp vốn điều lệ thành lập CTCP xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú (90.000 CP)	954.810.000	954.810.000
cộng	1.221.725.000	1.221.725.000
3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2019	01/01/2019
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	67.578.649.119	69.658.462.998
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.598.100	14.598.100
- Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	39.314.957	39.314.957
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	-	1.218.796.257
- Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc	30.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Dệt May Thygesen Việt Nam	20.122.202	151.408.836
- Công ty TNHH TM Quốc tế TiTan	1.372.503.990	3.132.559.980
- Công ty TNHH TMDV Connection	267.293.950	267.293.950
- Công ty TNHH HD Gold	83.574.725	73.834.091
- Melcosa Việt Nam LTD.	902.390.625	-
- Sanmar Corporation	2.890.456.740	3.369.946.819
- Orchid Apparel LLC	45.397.950	814.375.135
- Các khách hàng khác	1.989.022.626	2.213.595.229
cộng	110.233.324.984	115.984.186.352
* Trong đó, số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là: 165.637,31 USD - tương đương 3.851.067.458 VND		
3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng	30/06/2019	01/01/2019
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	60.898.162.795	67.000.684.585
cộng	60.898.162.795	67.000.684.585

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH SX TM XNK Lộc Phú	499.107.727	-
Xí nghiệp xây lắp công nghiệp Điện lực Khánh Hòa	-	57.750.000
Công ty TNHH TMDV Công nghệ môi trường Bách Khoa	276.400.001	276.400.001
Saurer Spinning Solutions GMBH & Co.Kg	101.010.597	24.327.842
Công ty TNHH kỹ thuật chuyển giao công nghệ Hà Nội	700.000.000	-
CTy TNHH Thiết Bị Và Công Nghệ Môi Trường Không Gian Xanh	99.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	104.371.371	255.748.092
cộng	1.780.389.696	614.225.935

* Trong đó, số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là: 3.755,54 USD
- tương đương 101.010.597 VND

5.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2019	01/01/2019
- Tạm ứng cho CBCNV công ty	266.355.960	43.505.960
- Tiền lãi phải thu - CTCP Đầu tư phát triển Phong Phú	12.919.777.997	15.368.313.778
- Phải thu tiền bồi thường tổn thất hàng hóa	1.482.448.227	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	6.848.317	-
- Tiền lãi và tiền bồi thường - Tổng CTCP Phong Phú	16.695.906.690	14.563.698.079
- Phải thu chờ xử lý (hàng tồn kho tổn thất do bão 2018)	2.389.733.540	11.480.107.451
- Phải thu khác	0	101.539.151
cộng	33.761.070.731	41.557.164.419

5.2 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Dệt May Hapaco Hải Phòng	787.538.760	787.538.760
Công ty CP Bông Miền Bắc	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	35.875.532	35.875.532
Công ty CP VINATEX Đà Nẵng	39.314.957	39.314.957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209.661.832	209.661.832
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phú Khánh Hòa	6.177.999	6.177.999
Công ty TNHH SX TM DV Trần Phong	7.189.618	7.189.618
Công ty CP Dụng cụ Thể thao Delta	4.000.000	4.000.000
Công ty TNHH MTV Vải Phụ liệu&Thiết bị May Thái Bình	3.955.600	3.955.600
cộng	1.123.714.298	1.123.714.298

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*** Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

Số dư tại 01/01	1.123.714.298	1.123.714.298
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Xóa nợ phải thu	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.123.714.298</u>	<u>1.123.714.298</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Hàng mua đang đi trên đường		15.391.500
- Nguyên liệu, vật liệu	60.125.185.457	120.928.543.392
- Công cụ dụng cụ	35.414.219	35.257.219
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	59.074.333.871	74.515.480.737
- Thành phẩm	106.218.125.807	92.972.837.856
- Hàng hoá	1.909.381.178	1.087.513.982
- Hàng gửi bán	352.038.385	214.029.253
cộng	<u>227.714.478.917</u>	<u>289.769.053.939</u>

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Chi phí phụ tùng	78.399.999	3
- Chi phí đồng phục	110.387.571	163.627.385
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	403.742.412	435.291.506
- Chi phí công cụ, dụng cụ	96.939.698	144.085.325
- Chi phí sửa chữa	103.586.404	476.546.882
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	649.216.631	218.815.443
cộng	<u>1.442.272.716</u>	<u>1.438.366.545</u>

7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Chi phí phụ tùng	13.125.044	149.835.383
- Chi phí công cụ, dụng cụ	355.684.064	544.618.158
- Chi phí sửa chữa	5.948.196.824	3.413.346.648
- Chi phí trả trước dài hạn khác (tiền thuê đất trả trước)	-	4.173.528.052
- Chi phí trả trước dài hạn khác	327.338.908	36.666.660
cộng	<u>6.644.344.840</u>	<u>8.317.994.901</u>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Mua sắm tài sản cố định	-	178.677.182
+ Mua xe đưa đón công nhân	-	178.677.182
- Xây dựng cơ bản dở dang	<u>7.376.627.752</u>	<u>10.976.751.861</u>
+ Phương án cải tạo hệ thống pha acid HT xử lý nước thải	115.035.600	115.035.600
+ Phương án di chuyển lắp đặt Nhà máy Máy 1	389.004.027	389.004.027
+ Phương án nâng cấp thiết bị nhà máy sợi con	-	3.399.808.634
+ Dự án cải tạo mặt bằng Xưởng Nhuộm	35.402.000	35.402.000
+ Phương án sửa chữa khắc phục NM Sợi 3	6.837.186.125	6.837.194.910

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)	30/06/2019	01/01/2019
+ Phương án nuôi cấy vi sinh cho HT xử lý nước thải	-	200.306.690
cộng	7.376.627.752	11.155.429.043
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/06/2019	01/01/2019
Toyobo Specialties Trading Co., Ltd	358.495.213	539.299.213
Able Co., Ltd	-	1.045.255.149
CTy TNHH Sản Xuất- Thương Mại - Dịch Vụ Đoàn Kết	1.209.481.791	94.392.386
Khách hàng khác	1.792.064	218.304.148
cộng	1.569.769.068	1.897.250.896

* Trong đó, số dư người mua trả trước ngắn hạn có gốc ngoại tệ là: 15.564,13 USD
- tương đương 358.662.756 VND

10. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2019	01/01/2019
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	49.287.714.827	42.594.944.819
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Phong Phú	-	1.220.000.000
Công ty Cổ phần Thuận Hải	3.302.329.638	3.676.587.189
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	2.193.667.417	3.455.377.863
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	793.787.500	1.282.737.500
Công ty TNHH Brotex Việt Nam	1.415.097.620	1.419.901.020
Công ty TNHH Sao Mai Anh	91.700.002	77.100.002
Công ty TNHH hóa chất và thiết bị Thiên Phú	518.837.550	752.391.783
Công ty TNHH Tự Động Hóa Sao Việt	129.583.700	196.780.775
Công ty CP Dệt May 7	12.939.744.501	-
Công ty TNHH MTV TM DV Toàn Thắng	109.229.000	118.153.000
Công ty TNHH Quốc Phong Nha Trang	121.680.000	106.080.000
Công ty TNHH DV TM SX in dệt nhãn hiệu Thủ Đức	22.461.879	17.238.980
Công ty TNHH Dệt may Bình Phát	115.085.108	-
Công ty TNHH TM U.C.C	292.820.000	418.660.000
Công ty TNHH STD&S	122.508.100	150.470.100
Công ty TNHH TM Huy Quang	630.712.500	687.995.000
Công ty TNHH Hiệp Hưng	129.667.450	199.048.410
Công ty TNHH DV & TM Dương Hoàng Phát	195.453.170	-
Công ty TNHH SXTM XNK Thành Xuân	739.569.960	639.179.560
Công ty TNHH TMDV và XD Phúc Minh	28.809.000	479.383.250
Công ty TNHH SXTM và DV Vân An	157.756.720	304.835.520
Công ty CP máy và phụ tùng dệt may	191.978.600	93.830.000
Công ty TNHH Tân Hùng Thái	123.178.000	315.243.720
Công ty TNHH SX TM Bao Bì Hồng Nam	243.694.000	223.968.800
Công ty CP Bao Bì 3/2	143.567.600	186.827.252

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

10. Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH AVCO Việt Nam	239.954.000	216.876.000
Công ty TNHH TS Phú Yên	337.817.348	337.817.348
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt may Nam Định	56.906.190	58.671.800
Công ty TNHH Chanchem	186.037.500	418.385.000
Công ty Cổ phần Dệt may Hưng An Bình	-	76.703.750
Công ty TNHH SX TM DV Hiệp Hòa	2.180.597.011	225.954.244
Công ty TNHH TM Hải Nam Dương	-	134.491.500
Công ty TNHH MTV Tâm Thành Phú	54.450.000	155.650.000
Công ty TNHH TM DV Việt Sin	61.600.000	92.400.000
Công ty Xăng Dầu Phú Khánh	128.862.400	-
Công ty TNHH TM DV SX Tân Châu	308.872.900	446.687.500
Công ty TNHH Thanh Hà	454.815.231	194.624.797
Ông Lê Công Hòa	1.184.061.412	1.215.526.063
Các nhà cung cấp khác khác	2.264.622.124	3.452.074.615
cộng	81.499.229.958	65.642.597.160

* Trong đó, số dư công nợ phải trả ngắn hạn người bán có gốc ngoại tệ là:

USD	-	-
EUR	4.741,05	128.994.488

11.1. Thuế GTGT được khấu trừ	30/06/2019	01/01/2019
-Thuế GTGT được khấu trừ	16.187.300	64.095.789
cộng	16.187.300	64.095.789
11.2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30/06/2019	01/01/2019
-Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.913.715.508	3.788.372.820
cộng	1.913.715.508	3.788.372.820
11.3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2019	01/01/2019
- Thuế GTGT	602.559.095	1.659.833.782
- Thuế thu nhập cá nhân	77.223.043	107.545.952
- Tiền thuê đất	1.141.987	-
cộng	680.924.125	1.767.379.734

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019****11.4 Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp NSNN của Công ty trong kỳ như sau:**

Chỉ tiêu	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải trả
Thuế phải nộp Nhà nước	3.852.468.608	1.767.379.734	18.163.156.991	17.327.046.800	1.929.902.808	680.924.125
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	64.095.788	1.659.833.782	11.158.966.750	12.168.332.949	16.187.300	602.559.095
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	79.120.162	79.120.162	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	45.491.859	45.491.859	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.788.372.820	-	5.691.700.975	3.817.043.663	1.913.715.508	-
- Tiền thuê đất	-	-	1.041.710.287	1.040.568.300	-	1.141.987
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	107.545.952	142.166.958	172.489.867	-	77.223.043



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
12. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí trích trước kiểm toán	-	60.000.000
- Trích trước tiền điện	972.894.319	233.298.148
- Trích trước chi phí nước	40.019	-
- Trích trước chi phí hoa hồng	-	3.895.214
- Trích trước chi phí lãi vay	838.881.583	722.016.263
- Trích trước chi phí thuê tài sản (PhongPhuCorp.,)	40.462.492	2.813.270.865
cộng	1.852.278.413	3.832.480.490
13. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	1.389.682.684	1.396.859.738
- Bảo hiểm xã hội	5.357.689.337	4.041.509.427
- Bảo hiểm Y tế	2.001.964.756	1.995.194.758
- Bảo hiểm thất nghiệp	502.686.077	388.951.812
- Các khoản phải trả , phải nộp khác	272.772.909	172.272.909
<i>Trong đó :</i>		
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	183.492.000	82.992.000
+ Các khoản phải trả - khác	89.280.909	89.280.909
cộng	9.524.795.763	7.994.788.644
14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
* Vay ngắn hạn	326.872.324.819	424.267.540.426
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	222.494.168.863	257.617.353.536
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	222.494.168.863	257.617.353.536
-Ngân hàng TMCP quân đội -Khánh Hòa	29.990.000.000	40.440.353.138
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	29.990.000.000	40.440.353.138
-Ngân hàng BIDV - Khánh Hòa	74.388.155.956	98.191.122.249
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	74.388.155.956	98.191.122.249
-Ngân hàng ICB Nha Trang	-	28.018.711.503
+ ICB Nha Trang - VND	-	28.018.711.503
* Vay dài hạn đến hạn trả	8.459.870.000	14.072.054.112
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	8.273.200.000	12.379.350.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	5.000.000.000	7.500.000.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	3.273.200.000	4.879.350.000
<i>Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:</i>		
+ DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	8.273.200.000	12.379.350.000
-Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa	186.670.000	373.336.000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	186.670.000	373.336.000
<i>Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:</i>		
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	186.670.000	373.336.000
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	-	1.319.368.112
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	1.319.368.112
<i>Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)		
+ Dự án quy hoạch NM May 2&4 theo Lean	-	1.319.368.112
Cộng	335.332.194.819	438.339.594.538
14.2 Các khoản vay và nợ dài hạn		
* Vay dài hạn	<u>145.099.477.726</u>	<u>144.714.650.838</u>
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	145.099.477.726	144.714.650.838
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	83.049.459.461	83.049.459.461
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	62.050.018.265	61.665.191.377
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	145.099.477.726	144.714.650.838
cộng	145.099.477.726	144.714.650.838

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

14.3 BẢNG THEO DỐI NỢ VAY NGẮN VÀ DÀI HẠN

STT	Ngân hàng	01/01/2019	Vay thêm trong kỳ	Trả nợ/Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ	30/06/2019
1	Vay dài hạn	144.714.650.838	-	(384.826.888)	145.099.477.726
1.1	Ngân hàng VCB Khánh Hòa	144.714.650.838	-	(384.826.888)	145.099.477.726
2	Vay ngắn hạn	424.267.540.426	457.446.581.713	554.841.797.320	326.872.324.819
2.1	Ngân hàng VCB Khánh Hòa	257.617.353.536	254.201.701.022	289.324.885.695	222.494.168.863
2.2	Ngân hàng BIDV Khánh Hòa	98.191.122.249	173.254.880.691	197.057.846.984	74.388.155.956
2.3	Ngân hàng MB Khánh Hòa	40.440.353.138	29.990.000.000	40.440.353.138	29.990.000.000
2.4	Ngân hàng ICB Khánh Hòa	28.018.711.503	-	28.018.711.503	-
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	14.072.054.112	631.888	5.612.816.000	8.459.870.000
3.1	Ngân hàng VCB Khánh Hòa	12.379.350.000	-	4.106.150.000	8.273.200.000
3.2	Ngân hàng BIDV Khánh Hòa	1.319.368.112	631.888	1.320.000.000	-
3.3	Ngân hàng ABB Khánh Hòa	373.336.000	-	186.666.000	186.670.000
	TỔNG	583.054.245.376	457.447.213.601	560.069.786.432	480.431.672.545

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2018</u>
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số dư tại 01/01	1.108.423.395	1.655.477.432
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	708.628.027
Tăng khác	26.804.027	59.247.845
Chi khen thưởng, phúc lợi	(517.287.000)	(1.314.929.909)
cộng	617.940.422	1.108.423.395
15.1 Quỹ khen thưởng	30/06/2019	01/01/2018
Số dư tại 01/01	334.120.081	722.288.081
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	354.314.000
Tăng khác	-	1.838.000
Chi khen thưởng	(334.040.000)	(744.320.000)
cộng	80.081	334.120.081
15.2 Quỹ phúc lợi	30/06/2019	01/01/2018
Số dư tại 01/01	774.303.314	933.189.351
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	354.314.027
Tăng khác	26.804.027	57.409.845
Chi phúc lợi	(183.247.000)	(570.609.909)
cộng	617.860.341	774.303.314
16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2019	01/01/2019
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	96.143.750.000	96.143.750.000
- Vốn góp của đối tượng khác	88.856.250.000	88.856.250.000
cộng	185.000.000.000	185.000.000.000
16.2 Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2019	01/01/2019
- Quỹ đầu tư phát triển	22.015.663.659	22.015.663.659
-Thặng dư vốn cổ phần	2.030.000.000	2.030.000.000
cộng	24.045.663.659	24.045.663.659

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

16.3- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	1.591.509.590	210.637.173.249
- Tăng vốn trong kỳ		-			-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.153.656.431	1.153.656.431
- Tăng khác		-	-		-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(708.628.027)	(708.628.027)
- Giảm khác	-	-	-		-
Số dư tại ngày 30/06/2018	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	2.036.537.994	211.082.201.653
Số dư tại ngày 01/01/2019	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	(31.333.520.978)	177.712.142.681
- Tăng vốn trong kỳ		-			-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(9.508.988.670)	(9.508.988.670)
- Tăng khác		-	-		-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-		-
Số dư tại ngày 30/06/2019	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	(40.842.509.648)	168.203.154.011

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
17. Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	9.614.375	9.614.375
+ Cổ phiếu Quỹ		
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	8.885.625	8.885.625
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
cộng	18.500.000	18.500.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000
18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán:	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
18.1 Tài sản thuê ngoài	291.328.243.000	291.328.243.000
18.2 Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	10.994,77	67.839,51
- Euro (EUR)	2,86	2,86
18.3 Nợ khó đòi đã xử lý	1.254.389.058	1.254.389.058
- Công ty TNHH TMDV Nam Phúc	122.968.739	122.968.739
- Ông Phan Thế Thông	137.134.108	137.134.108
- Ông Lê Trung Hải	179.714.987	179.714.987
* Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm thấy đối tượng đòi nợ		
- Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Phú Trà	814.571.224	814.571.224
* Nguyên nhân xóa sổ: Khách hàng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

19. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
+ Số dư đầu kỳ	134.289.282.851	505.913.123.417	13.837.463.363	2.468.993.377	108.960.000	656.617.823.008
+ Tăng trong kỳ	-	-	184.382.091	-	-	184.382.091
- Mua trong kỳ	-	-	184.382.091	-	-	184.382.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	857.630.151	2.157.980.000	-	-	3.015.610.151
- Thanh lý, nhượng bán	-	857.630.151	2.157.980.000	-	-	3.015.610.151
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
+ Số dư cuối kỳ	134.289.282.851	505.055.493.266	11.863.865.454	2.468.993.377	108.960.000	653.786.594.948
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ	59.524.080.875	280.728.823.708	9.298.473.481	2.193.224.377	81.720.000	351.826.322.441
+ Tăng trong kỳ	2.654.434.795	11.673.521.924	537.318.394	45.740.262	5.448.000	14.916.463.375
- Khấu hao trong kỳ	2.654.434.795	11.673.521.924	537.318.394	45.740.262	5.448.000	14.916.463.375
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	857.630.151	2.066.280.000	-	-	2.923.910.151
- Thanh lý, nhượng bán	-	857.630.151	2.066.280.000	-	-	2.923.910.151
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
+ Số dư cuối kỳ	62.178.515.670	291.544.715.481	7.769.511.875	2.238.964.639	87.168.000	363.818.875.665
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	74.765.201.976	225.184.299.709	4.538.989.882	275.769.000	27.240.000	304.791.500.567
- Tại ngày cuối kỳ	72.110.767.181	213.510.777.785	4.094.353.579	230.028.738	21.792.000	289.967.719.283



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1. Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	286.800.777.903	377.952.877.167
Doanh thu bán hàng hóa, phế phẩm	255.114.628.662	60.885.777.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.492.338.420	23.133.345.222
Cộng	574.407.744.985	461.971.999.410
2. Các khoản giảm trừ:		
Chiết khấu thương mại	9.417.193	
Hàng bán bị trả lại	6.190.882	232.981.632
Cộng	15.608.075	232.981.632
3. Doanh thu thuần		
Doanh thu bán thành phẩm	286.785.169.828	377.719.895.535
Doanh thu bán hàng hóa, phế phẩm	255.114.628.662	60.885.777.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.492.338.420	23.133.345.222
Cộng	574.392.136.910	461.739.017.778
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm	254.618.905.195	355.062.212.533
Doanh thu bán hàng hóa, phế phẩm	303.262.086.553	73.292.820.464
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.329.400.482	12.188.809.443
Cộng	572.210.392.230	440.543.842.440
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	2.908.971	4.484.202
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.936.288.000
Lãi từ giao dịch mua bán cổ phiếu	-	5.000.000.000
Doanh thu từ giải thể Công ty con	-	96.399.350
Lãi chênh lệch tỷ giá	73.585.269	-
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	32.334.597	-
Cộng	108.828.837	7.037.171.552
6. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	17.506.617.788	16.836.514.370
Lập dự phòng đầu tư tài chính	-	4.362.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	87.702.081	34.882.941
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	267.526.635	618.680.349
Cộng	17.861.846.504	21.852.077.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

7. Chi phí bán hàng

Chi phí cho nhân viên	1.185.689.677	1.791.167.586
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.699.998	7.699.998
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	21.280.909	8.479.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.173.899	1.111.181.163
Chi phí khác	582.643.218	901.488.339
Cộng	2.651.487.701	3.820.016.160

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên	6.782.283.796	7.871.013.369
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	101.991.024	197.897.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	507.535.230	593.433.777
Thuế phí và lệ phí	1.006.166.167	933.432.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.678.940	366.458.230
Chi phí khác	2.315.139.374	2.737.963.804
Cộng	11.166.794.531	12.700.199.970

9. Thu nhập khác

Thu bán, thanh lý tài sản cố định	12.412.744.563	610.927.376
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	(4.024.447.590)	-
Lãi thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định	8.388.296.973	610.927.376
Tiền bồi thường	8.749.122.063	11.532.532.603
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	4.693.248.671	2.018.626.000
Các khoản thu nhập khác	8.066.948	32.898.502
Cộng	21.838.734.655	14.194.984.481

10. Chi phí khác

Các khoản chi phí khác	83.510.794	8.680.216
Cộng	83.510.794	8.680.216

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.414.711.823	250.273.102.083
+ Chi phí nhân công	62.600.785.357	82.894.597.123
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	14.937.680.041	16.186.683.706
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.231.925.190	48.654.176.003
+ Chi phí khác bằng tiền	2.142.549.229	4.862.437.930
Cộng	277.327.651.640	402.870.996.844

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng